TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HSST
Ngày: 03/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tự
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang D, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 118/8 khu phố 5, đường TMT 2A, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Quang N và bà Lý Thị Thu T; chưa có vợ con; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/02/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

2. Trần Thế N, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 30/2H ấp Đông Lân, xã X, huyện Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Thế B và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/02/2019 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Ông Lê Tiến D, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: 160/91/60A Nguyễn Văn Quý, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Thế B, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: 30/2H ấp Đông Lân, xã X, huyện Y, Thành phố H. (có mặt)

- Ông Lý Minh C, sinh năm: 1995

Nơi cư trú: 46/9 Ấp 3, xã X, huyện Y, Thành phố H. (vắng mặt)

- Ông Dương Khánh Đ, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: 16/2 Ấp Trung Lân, xã X, huyện Y, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang D và Trần Thế N là bạn quen biết nhau từ năm 2014. Khoảng 08 giờ ngày 07/02/2019, D điện thoại rủ N đi chơi, N đồng ý nên điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59E1-458.18 đến đón D. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe chở N đi ngang qua nhà số 12B đường Cách Mạng Tháng Tám, phường X, Quận Y, Thành phố H nhìn thấy ông Lê Tiến D đang dừng xe gắn máy và sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus để nhắn tin, D nảy sinh ý định rủ N cướp giật tài sản, N đồng ý. Lúc này, D điều khiển xe chở N áp sát phía bên trái ông D để N dùng tay phải giật chiếc điện thoại của ông D đang cầm trên tay rồi tẩu thoát, ông D điều khiển xe gắn máy đuổi theo D và N qua nhiều tuyến đường, khi đến giao lộ Nguyễn Đình Chiểu – Cao Thắng, phường X, Quận Y, Thành phố H ông D đụng vào xe của D và N làm cả hai té ngã, chiếc điện thoại N cướp giật của ông D bị rơi xuống đất, D và N mỗi người chạy một hướng. Ông D nhặt điện thoại và đuổi theo N, nghe truy hô ông Võ Tuấn T là Công an và ông Phạm Anh D là bảo vệ thuộc Phường 2, Quận 3 đuổi theo, bắt giữ N cùng vật chứng và giao Công an phường Bến Thành, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, còn D chạy thoát đến ngày 12/02/2019, D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đầu thú.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng, số Imei: 353297070427617 có giá là 5.767.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Quang D và Trần Thế N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 78/CT-VKSQ1 ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quang D và Trần Thế N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, các bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do các bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa tiền án, tiền sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Trần Thế N từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù, miễn hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng, số Imei: 353297070427617 đã trả cho người bị hại ông D, ông D yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng. Ngày 04/3/2019, ông Trần Thế B là cha của bị cáo N đã bồi thường và ông D không yêu cầu nào nên không xem xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59E1-458.18, không liên quan nên cần trả lại chiếc xe trên lại cho ông B.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 216, số Imei: 357326088347057, số Imei: 357326089347056; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E7, số Imei: 358496062850480 thu giữ của bị cáo N, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo N.

- 01 bộ áo khoác dài tay, màu xám; 01 quần jean màu đen thu giữ của bị cáo D cần trả lại bị cáo D.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Quang D và Trần Thế N đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, tờ tự khai, bản tường trình, biên bản bắt người phạm tội quả tang,… nên có căn cứ để kết luận, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/02/2019 bị cáo Nguyễn Quang D đã có hành vi sử dụng xe gắn máy chở bị cáo Trần Thế N giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng của ông D rồi tăng ga xe bỏ chạy và sau đấy bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Quang D và Trần Thế N đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, các bị cáo sử dụng xe gắn máy chiếm đoạt tài sản là sử dụng phương tiện nguy hiểm có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khoẻ của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D là người rủ rê, đề xuất và là người trực tiếp điều khiển xe gắn máy chở bị cáo N để thực hiện hành vi cướp giật là nhân tố quyết định để tội phạm hoàn thành, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra đến ngày 12/02/2019 bị cáo ra đầu thú nên cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đối với bị cáo N khi bị cáo D rủ cướp giật tài sản thì bị cáo đồng ý ngay và tích cực tham gia vào việc phạm tội với vai trò giúp sức là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, khi người bị hại phát hiện truy đuổi bị cáo dùng bình xịt hơi cay tấn công ngăn cản sự truy đuổi của bị hại nên phải chịu mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu, chưa tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng", do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng, số Imei: 353297070427617 đã trả lại cho người bị hại ông D, ông D yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng do quá trình truy đuổi xe gắn máy của ông D đụng xe do D điều khiển làm hư hỏng xe và ông D bị thương ở cẳng tay nhiều ngày không đi làm được. Ngày 04/3/2019, ông Trần Thế B là cha của bị cáo N đã bồi thường 5.000.000 đồng và ông D không yêu cầu nào nên không xem xét.

[9] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59E1-458.18, số khung: S9A0DY055394, số máy: 1S9A055413. Qua xác minh xe do ông Lý Minh C đứng tên chủ sở hữu. Ngày 09/6/2017, ông C đã ủy quyền cho ông Dương Khánh Đ toàn quyền bán, quản lý, sử dụng, tặng cho xe trên theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 009806, quyển số 6 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Bà Điểm. Ngày 11/6/2017, ông Đ khai đã bán xe trên cho ông Trần Thế B tuy chưa làm thủ tục sang tên nhưng ông Đ đã giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông B và ông đề nghị trả lại xe trên cho ông B. Ông B khai mua xe trên của ông Đ và giao xe cho bị cáo N làm phương tiện sử dụng đi học, ông B không biết N sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Xét, không liên quan nên cần trả lại chiếc xe trên lại cho ông B.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 216, số Imei: 357326088347057, số Imei: 357326089347056; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E7, số Imei: 358496062850480 thu giữ của bị cáo N. Xét không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo N.

- Đối với 01 bộ áo khoác dài tay, màu xám; 01 quần jean màu đen thu giữ của bị cáo D. Xét không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo D.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội cướp giật tài sản: Tuyên bố: Nguyễn Quang D và Trần Thế N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Quang D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2019; phạt bị cáo Trần Thế N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2019.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Trả lại cho ông Trần Thế B 01 (một) xe gắn hiệu Yamaha Exciter biển số 59E1-458.18, số khung: S9A0DY055394, số máy: 1S9A055413.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 61/19-PNK ngày 06/3/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lại cho bị cáo Trần Thế N 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 216, số Imei: 357326088347057, số Imei: 357326089347056; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy E7, số Imei: 358496062850480.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 53-19/PNK ngày 25/02/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang D 01 (một) bộ áo khoác dài tay màu xám; 01 (một) quần jean màu đen.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 52-19/PNK ngày 25/02/2019 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Quang D và Trần Thế N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Quang D và Trần Thế N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp.HCM;
- Công an Quận 1, Tp.HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân